

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N T
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 57/2020/HS-ST

Ngày: 24/3/2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N T - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Bích Liễu**

Các hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Tĩnh**,
Bà **Nguyễn Thị U Hồng**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thủy** – Thư ký tòa án Tòa án nhân dân thành phố N T, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố N T tham gia phiên tòa: Ông **Lê Đình Mai** – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N T, tỉnh Khánh Hòa, mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 43/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần N D, sinh ngày 12/8/2001 tại N Đ; Nơi cư trú: Thôn LĐ, xã ĐX, huyện N Tr, tỉnh N Đ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc D1 (đã mất), con bà Đoàn Thị D2, sinh năm 1981;

Tiền án, tiền sự: không;

- Nhân thân: Ngày 13/02/2017, Tòa án nhân dân huyện N Tr, tỉnh N Đ ra Quyết định số 01/QĐ-TA đưa vào Trường giáo dưỡng 12 tháng. Chấp hành xong ngày 09/01/2018.

- Ngày 21/3/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N Đ, tỉnh N Đ ra Quyết định khởi tố bị can số 192 về hành vi “Cố ý gây thương tích”, bị cáo bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 02/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N Đ ra Quyết định truy nã số 15 đối với Trần N D.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/10/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:**

1. **Trần Tô A**, sinh năm 1993

Địa chỉ: 167/2 Dương Hiến Quyền, Vĩnh Hòa, N T. Vắng mặt.

2. **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, phường NH, thị xã NH. Vắng mặt.

3. **Huỳnh Công U**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Tổ dân phố số 1, phường NH, thị xã NH. Vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. **Cao Th**, sinh năm 1980

Địa chỉ: 14A Hải D, Phường PS, N T. Vắng mặt.

2. **Trịnh B**, sinh ngày 06/11/2001

Địa chỉ: Tổ 5 Đường LC, phường NH, N T. Có mặt.

3. **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 5 Đường LC, phường NH, N T. Vắng mặt.

4. **Đoàn Thị G**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn LĐ, xã ĐX, huyện N Tr, tỉnh N Đ. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố N T truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 29/10/2019, trong khi tuần tra tại khu vực ngã ba đường PVD, HC, Phường VP, N T, tổ Công tác Đội cảnh sát trật tự 113, thuộc phòng PC 06, Công an tỉnh Khánh Hòa phát hiện Trần N D và Trịnh B đang điều khiển xe máy mô tô hiệu Airblade màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 79H1-08569 vi phạm không đội mũ bảo hiểm nên yêu cầu dừng lại để kiểm tra. Qua kiểm tra, tổ tuần tra phát hiện trong túi quần trước bên phải của D có 01 (một) bọc nylon hàn kín kích thước 06x03cm bên trong chứa 01 (một) bọc nylon hàn kín kích thước 03x03cm được hàn kín bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, 05 (năm) viên dạng nén màu hồng. D khai nhận đó là ma túy “khay” và ma túy “thuốc lắc” của một người tên TH (chưa rõ nhân thân lai lịch) nhờ D mua giùm để về sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số: 623/GĐTP/2019 ngày 04/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa kết luận: Mẫu ký hiệu A gửi giám định gồm:

- Các viên nén màu hồng là ma túy, khối lượng 1,7385g (Một phẩy bảy ba tám năm gam), là loại MDMA;

- Tinh thể màu trắng là ma túy, khối lượng 1,6095g (Một phẩy sáu không chín năm gam), là loại Ketamine.

Quá trình điều tra, Trần N D và Trịnh B khai nhận: Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 29/10/2019, D và Khánh đang ngồi uống bia tại quán Cây Sung trên đường T3, phường VT, N T thì có một người bạn tên Q (chưa rõ lai lịch) có gọi cho D và nói D tới chung cư MTVT nhờ có việc. Sau đó D rủ B đi cùng và chở Khánh qua gặp Hải tại Tòa nhà 1B MTVT. Tại đây Q đưa cho D 5.500.000 đồng nhờ D qua khu vực chợ VH gặp một phụ nữ tên U (không rõ lai lịch) mua ma túy giùm cho Hải, D đồng ý và Q đưa cho D địa chỉ Messenger tên “Nguyễn U” để D liên hệ. Sau đó, D điều khiển xe chở Khánh đến khu vực chợ Vĩnh Hải và gọi vào số Messenger thì U điều khiển xe đến gặp D. D đưa cho U số tiền 5.500.000 đồng, U cầm tiền rồi đưa cho D 01 bọc nylon bên trong có 05 viên ma túy thuốc lắc màu hồng và nửa hộp ma túy khay. Sau khi mua được ma túy, D nói Khánh chở D

về (Khánh không biết việc D đến gặp U để mua ma túy). Khi về đến ngã ba PVD, Phường VP, N T thì bị phát hiện bắt giữ.

Tại bản cáo trạng số 54/CT-VKS ngày 06/02/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N T đã truy tố bị cáo Trần N D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N T đã giữ nguyên kết luận truy tố bị cáo Trần N D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần N D, tuyên phạt bị cáo từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Bị cáo Trần N D khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt một số người có quyền và nghĩa vụ liên quan và một số người làm chứng, xét thấy những người này đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi tố tụng của những người tiến hành tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, thực hành quyền công tố tại phiên tòa đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hình sự.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Theo cáo trạng truy tố cho thấy, tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như cáo trạng truy tố phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N T, các vật chứng thu giữ được, đủ cơ sở để xác định: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 29/10/2019, tại khu vực ngã ba đường PVD, Phường VP, N T, tổ công tác Đội Cảnh sát trật tự 113, thuộc phòng PC 06, Công an tỉnh Khánh Hòa phát hiện bắt quả tang Trần N D đang tàng trữ trái phép 1,7385g (Một phẩy bảy ba tám năm gam) loại MDMA, tương đương 34,77% và 1,6095g (Một phẩy sáu không chín năm gam) loại Ketamine, tương đương 8,0475%. Như vậy, bị cáo tàng trữ trái phép tổng cộng hai chất ma túy tương đương 42,8% (dưới mức 100% theo

quy định tại Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 về tính tổng khối lượng hoặc thể tích các chất ma túy).

Do đó, hành vi của Trần N D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N T đối với bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã tàng trữ hai chất ma túy là loại MDMA và Ketamine một cách trái phép để sử dụng, đây là chất gây nghiện, ảnh hưởng xấu đến trật tự địa phương. Tệ nạn ma túy đang là hiểm họa lớn đối với toàn xã hội, gây tác hại xấu cho sức khỏe con người, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự an toàn xã hội, là nguyên nhân và làm gia tăng các tệ nạn xã hội. Ngoài ra, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền về các chất ma túy của nhà nước. Ngoài ra, bản thân bị cáo đã từng đưa vào Trường giáo dưỡng năm 2017. Trước khi bị cáo thực hiện hành vi tàng trữ ma túy, bị cáo đã bỏ trốn khi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N Đ ra Quyết định truy nã đối với hành vi “Cố ý gây thương tích” của bị cáo nên cần phải xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra bị cáo có nộp đơn xác nhận ông nội của bị cáo là Trần V là quân nhân chống Mỹ cứu nước, cha bị cáo là Trần Ngọc D1 đi nghĩa vụ ở Bộ tư lệnh đặc công. Đơn do ông Trần V viết và được Công an xã ĐX, huyện N Tr, tỉnh N Đ xác nhận. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy nên tuyên bị cáo ở mức thấp của khung hình phạt cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, phòng ngừa chung trong xã hội và thể hiện được tính khoan hồng của pháp luật.

Đối với người thanh niên tên Q, người mà bị cáo khai là nhờ bị cáo mua giúp ma túy và người phụ nữ tên U đã bán ma túy cho bị cáo, chưa xác định được nhân thân lai lịch, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N T đang tiếp tục xác minh làm rõ nhân thân lai lịch, khi đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Trịnh B là người cùng với bị cáo đến gặp Q và U để mua ma túy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trịnh B và Trần N D đều khai là Khánh hoàn toàn không biết việc D đến gặp Q và U để mua ma túy nên không có cơ sở để xem xét.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đối với người liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi có đơn yêu cầu.

[5] Về vật chứng vụ án: Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xem xét như sau:

- Đối với lượng ma túy còn lại sau khi giám định: Xét thấy ma túy là chất cấm lưu hành và liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 (một) điện thoại di động Samsung màu đen, sử dụng số thuê bao: 0921381661: Xét thấy đây là phương tiện mà bị cáo dùng để liên lạc với mục đích mua trái phép chất ma túy và vẫn còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Tất cả vật chứng được giao nhận theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/02/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N T.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm i Khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần N D;

Tuyên bố: Bị cáo Trần N D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt: Bị cáo Trần N D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/10/2019.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Tách ra để giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự khi có đơn yêu cầu.

* **Về vật chứng vụ án:** Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: Mẫu vật có ký hiệu A, viên nén màu hồng và tinh thể còn lại sau giám định lần lượt có khối lượng 1,3285g và 1,3926g (đã được niêm phong có chữ ký xác nhận của Nguyễn QA, Nguyễn KH và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Khánh Hòa);

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Samsung màu đen, sử dụng số thuê bao: 0921381661 (điện thoại đã qua sử dụng).

Tất cả vật chứng được giao nhận theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 11/02/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N T.

* **Về án phí:** Áp dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo Trần N D phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

*** Nơi nhận:**

- VKSND TP. N T;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Công an TP. N T;
- UBND xã ĐX, huyện N Tr, tỉnh N Đ;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu án văn, hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Bích Liễu